

47. XÃ VĨNH HẬU

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tuyến lộ Xóm Lung-Cái Cù	Bắt đầu từ cầu Đê Trường Sơn- ấp Vĩnh Lạc	Đến giáp ấp Vĩnh Hội - Xã Vĩnh Mỹ A	640
2	Chợ Cống Cái Cù	Bắt đầu từ đê Trường Sơn	Đến cầu Chữ Thập Đỏ - sửa: đến Nhà văn hóa ấp Vĩnh Lạc	1.600
3	Lộ dưới ấp Vĩnh Lạc	Bắt đầu từ cầu qua sông Cái Cù	Đến cầu Chữ Thập Đỏ - sửa: đến Nhà văn hóa ấp Vĩnh Lạc	720
4	Đường Trường An	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Tiến	Đến đê Trường Sơn	600
5	Đường Kinh Tế	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến đê Trường Sơn ấp Vĩnh Mới	600
6	Đường Kinh Tế	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến đê Trường Sơn ấp Vĩnh Mới (phía bên sông)	600
7	Đường Giồng Nhân-Gành Hào	Bắt đầu từ cầu Đê Trường Sơn- ấp Vĩnh Lạc	Đến giáp ấp Vĩnh Mậu - Xã Vĩnh Hậu	540
8	Tuyến Kênh Bảy Hồng	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Bình	Đến Ấp Vĩnh Hòa	340
9	Đường Kinh 4 ngang trụ sở xã cũ	Bắt đầu từ cầu ấp Vĩnh Lập	Đến cầu Vĩnh Hòa	500
10	Tuyến 500	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lạc	Đến Ấp Vĩnh Mới	340
11	Tuyến lộ nhựa	Bắt đầu từ cầu Chữ Thập Đỏ - sửa: Từ nhà văn hóa ấp Vĩnh Lạc	Đến Lộ Đê Đông	600
12	Đường Vĩnh Hòa	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	340
13	Tuyến đường Vĩnh Hòa (phía bên sông)	Bắt đầu từ cầu kênh Ông Tà	Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	340
14	Tuyến Đê Đông	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Thịnh	Đến Cầu Mương I	600
15	Tuyến lộ Vĩnh Hòa - Vĩnh Kiều	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa giáp ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	Đến cầu Lung Lớn ấp Vĩnh Thạnh- xã Vĩnh Hậu	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16	Tuyến đường Kim Em	Bắt đầu từ kênh ấp Vĩnh Hòa	Đến mương I (giáp xã Vĩnh Hậu)	340
17	Tuyến Ông Tà	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Mới	Đến mương I (giáp xã Vĩnh Hậu)	340
18	Đường Bình Tiến	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Tiến	Đến giáp cầu Vĩnh Thành- xã Vĩnh Mỹ A	340
19	Đường hậu cơ quan	Đê Trường Sơn	Đến hạt Kiểm lâm liên huyện (ấp Vĩnh Lạc)	500
20	Đường Cống Đá	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lập	Đến kênh 7 Hồng (ấp Vĩnh Bình)	340
21	Tuyến đường kênh Đốc Thiện	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Bình	Đến Ấp Vĩnh Hòa	340
22	Tuyến cặp kênh Trường Sơn	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Lạc	Đến đến lộ sau hậu - sửa : đến đường Hậu cơ quan	400
23	Tuyến cầu thừa	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lập	Đến đường Bình Tiến	340
24	Tuyến kênh cận	Bắt đầu từ đường Bình Tiến	đến cầu Hải Triều Âm	340
25	Tuyến đường mương 4	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Mới (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến đê Đông (Vĩnh Mới)	340
26	Tuyến đường mương 7	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Tiến (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến đê Đông (Vĩnh Tiến)	340
27	Tuyến đường Lái Hai	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Đến kênh 500 (ấp Vĩnh Mới)	340
28	Tuyến đường Nông Trường	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Đến kênh Học Máu (ấp Vĩnh Mới)	340
29	Tuyến đường Mương I	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào (ấp Vĩnh Mới)- sửa : Từ đường kênh Ông Tà	Đến cầu nhà ông Trần Hòa Bình (ấp Vĩnh Kiều) - sửa : đến cầu Lung Lớn	340
30	Tuyến đường Sua Đũa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Minh	Đến tuyến đường Kim Em	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
31	Tuyến Đường điện gió	Bắt đầu từ đường Đê Đông	Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	400
32	Tuyến đường mương 6	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	đến đường Kênh 500	360
33	Tuyến đường Hữu Tính	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	đến đường Kênh 500	360
34	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Hậu	Đến giáp ranh Phường nhà Mát	1.050
35	Đường Đê Đông (Đê Biển)	Bắt đầu từ giáp ranh Phường nhà Mát	Đến giáp ranh xã Vĩnh Hậu	1.000
36	Tuyến Kênh 7 (Phía Tây)	Đê Đông	Đến giáp Kênh Giồng Me ấp 17	500
37	Đường Kênh 7(phía Đông)	Bắt đầu từ đường Giồng Nhãn -Gành Hào	Đến giáp Kênh Giồng Me ấp 17	340
38	Đường Kênh 7(phía Đông)	Chợ tạm ấp 15	Đến đê Đông	340
39	Đường Kênh 9 (Phía Tây)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà năm Ánh	Đến giáp lộ Cây Gừa	500
40	Tuyến Kênh 9 (Phía Đông)	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến đường Giồng Nhãn - Gành Hào	500
41	Tuyến phía Đông Kênh 12	Bắt đầu từ cầu 12 (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến giáp trụ sở ấp Cây Gừa	500
42	Tuyến phía Tây kênh 12	Bắt đầu từ Cầu Kênh 12	Đến nhà ông Huỳnh Văn Hiền (ấp 13 xã Vĩnh Hậu)	420
43	Tuyến Đường Cây Gừa	Bắt đầu từ ấp Cây Gừa	Đến hết ranh đất nhà ông Lộc giáp Phường 2	340
44	Tuyến Đường Cây Gừa - Giồng Tra	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Phước Sơn	Đến cầu Thanh Niên	340
45	Tuyến phía Bắc Giồng Tra	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến kênh Cây Mết giáp Phường 8	340
46	Lộ bê tông phía Nam kênh Giồng Tra	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tân Đạt	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
47	Tuyến Đông Kênh 12	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến cầu Kênh 12	700
48	Tuyến Tây Kênh 12	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến cầu Kênh 12	400
49	Tuyến Tây Giồng Tra	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Lộc ấp Cây Gừa	Đến giáp cầu nhà ông Lượm (ấp Giồng Tra)	340
50	Chợ tạm ấp 15	Bắt đầu từ chợ tạm ấp 15	Đến cầu Kênh 1 ấp 15	340
51	Đê Đông kênh 6 ấp 15	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến kênh 2 ấp 15	340
52	Kênh ranh ấp 17	Bắt đầu từ kênh 7	Đến kênh 9	340
53	Khu dân tộc Khmer	Bắt đầu từ đường Giồng Nhãn -Gành Hào	Đến kênh 1 ấp 6	340
54	Lộ bê tông kênh 1 ấp 16	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khiết	Đến giáp Vườn Chim	340
55	Lộ bê tông kênh Cựa Gà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiền	Đến giáp kênh 5 ấp 12	340
56	Lộ bê tông kênh giáp ranh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông tám Hoàng	Đến giáp kênh phường 2	340
57	Kênh 4 Ấp 15	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn	Đến đê Đông	340
58	Phía Tây kênh số 4 ấp 15	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nghĩa	Đến giáp kênh Trường Sơn 2	340
59	Kênh 6 Ấp 17	Bắt đầu từ giáp Kênh số 7	Đến giáp nhà ông Dư	340
60	Lộ bê tông kênh 7	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thu Ba	Đến giáp kênh 9	340
61	Lộ bê tông (Kênh 130)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nghĩa	Giáp đê Đông	340
62	Phía Tây cầu Dàn Xây	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Xuân	Giáp kênh Giồng Me - cây Dừa	340
63	Lộ bê tông	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Giáp nhà ông Tô Thành Lâm	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
64	Lộ bê tông khu 37ha ấp Cây Gừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đào	Giáp kênh số 9	340
65	Tuyến kênh 10 (phía đông)	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến đường Giồng Nhãn - Gành Hào	420
66	Tuyến kênh 11 phía đông kênh 12	Bắt đầu từ kênh 130	Đến giáp kênh Trường Sơn 2	420
67	Tuyến Vành Đai Sân Chim	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Quang	Đến giáp nhà ông Tiểu	420
68	Đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Bắt đầu từ cầu Lung Lớn	Đến cây xăng ông Vạn	1000
69	Đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Bắt đầu từ cây xăng ông Vạn	Đến kênh 5M4	1.200
70	Đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Bắt đầu từ kênh 5M4	Đến đê Đông	1.000
71	Lộ Đê Đông	Bắt đầu từ giáp xã Vĩnh Hậu A	Đến kênh mương I (nhà ông Hàn Lê)	1.000
72	Đường Giồng Nhãn-Gành Hào	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Hậu A	Đến kênh mương I (nhà ông Hai Bắc)	1.200
73	Tuyến đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu (phía Đông Kênh)	Bắt đầu từ giáp Thị trấn Hòa Bình	Đến cầu 3 Thân	340
74	Tuyến đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu (phía Đông Kênh)	Bắt đầu từ ranh đất nhà 9 Hiến	Đến kênh 130	340
75	Đường Toàn Thắng	Bắt đầu từ ranh đất trường tiểu học Vĩnh Hậu C - sửa : Từ giáp lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh 12	430
76	Đường Miếu Toàn Thắng - Cái Tràm	Bắt đầu từ kênh Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến giáp ranh Vĩnh Hậu A	340
77	Đường Lung Lớn	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến mương I nhà ông Hàn Lê	500
78	Đường Cầu Trâu - sửa : Đường Cầu Trâu (phía Nam)	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh mương I	400

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
79	Đường Cầu Trâu (phía Bắc)	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh mương I	350
80	Đường Mương 6	Bắt đầu từ kênh 5m4	Đến kênh 130	340
81	Đường Mương 8 - sửa : Đường Mương 8 (Phía Tây)	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn	Đến kênh 130	340
82	Đường Mương 8 - sửa : Đường Mương 8 (Phía Đông)	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn	Đến kênh 130	340
83	Đường Kênh Tế II - sửa : Đường Kênh Tế II (phía Đông)	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	340
84	Đường Kênh Tế II - sửa : Đường Kênh Tế II (phía Tây)	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	340
85	Đường Kênh Làng Huru (phía Đông)	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	340
86	Đường Kênh Làng Huru (phía Tây)	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	340
87	Đường Nam Kênh Trường Sơn	Bắt đầu từ cầu Xã	Đến kênh Mương 1	420
88	Đường 5M4	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh 8 - sửa : Mương 7	340
89	Đường ấp Thống Nhất (phía Đông)	Bắt đầu từ đê Trường Sơn II	Đến đê Đông	340
90	Đường ấp Thống Nhất (phía Tây)	Bắt đầu từ đê Trường Sơn II	Đến đê Đông	340
91	Đường khu Tái Định Cư	Bắt đầu từ Kênh Mương 1	Đến trường tiểu học Vĩnh Hậu C	340
92	Đường khu Tái Định Cư	Bắt đầu từ Kênh Thống Nhất	Đến giáp xã Vĩnh Hậu A (cũ)	340
93	Đường kênh Ba Vịt (2 bên lộ)	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn II	Đến giáp khu Tái định cư	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
94	Đường giáp ranh ấp 12 - ấp 13	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	340
95	Đường kênh ông Tà (2 bên lộ)	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh I	340
96	Đường kênh Ba Quý (2 bên lộ)	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh I	340
97	Đường kênh Tây Mất Đỏ (2 bên lộ)	Bắt đầu từ kênh Cầu Trâu	Đến đường kênh Lung Lớn	340
98	Đường kênh Mười Chuột (2 bên lộ)	Bắt đầu từ kênh Cầu Trâu	Đến đường kênh Lung Lớn	340
99	Đường kênh Năm Châm	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đường kênh Cô Tuyết	340
100	Đường kênh Cô Tuyết	Bắt đầu từ đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến đường Miếu Toàn Thắng - Cái Trầm	340
101	Tuyến sau hậu	Bắt đầu từ đường vô Trạm Y tế xã	Đến kênh Trường Sơn	300
102	Tuyến đường phía đông kênh 9	Bắt đầu từ nhà ông Chính	Đến giáp nhà ông Nga	400
103	Tuyến cầu thừa kênh cạn	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lập	Đến ấp Vĩnh Hòa	300
104	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			220
105	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			250
106	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

48. XÃ PHONG HIỆP*Đơn vị tính: 1.000đ/m²*

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A, trên lộ	Đến kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc), trên lộ	780
2	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A, dưới lộ	Đến kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc), dưới lộ	660
3	Ấp 1A - 8A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc), trên lộ	Đến kênh 3.000, trên lộ	660
4	Ấp 1A - 8A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc), dưới lộ	Đến kênh 3.000, dưới lộ	530
5	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu số 2 , ấp 2B, trên lộ	Đền trường THCS xã Phong Thanh Tây A về hướng 8A (Bờ Nam), trên lộ	960
6	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu số 2 , ấp 2B, dưới lộ	Đền trường THCS xã Phong Thanh Tây A về hướng 8A (Bờ Nam), dưới lộ	870
7	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ Trường THCS xã Phong Thanh Tây A, trên lộ	Đến kênh 1.000, trên lộ	870
8	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ Trường THCS xã Phong Thanh Tây A, dưới lộ	Đến kênh 1.000, dưới lộ	760
9	Ấp 2B - 8A (bờ Nam kênh Phong Thanh Tây) (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ kênh 1.000 bờ Nam, trên lộ	Đến kênh 4.000 bờ Nam, trên lộ	780
10	Ấp 2B - 8A (bờ Nam kênh Phong Thanh Tây) (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ kênh 1.000 bờ Nam, dưới lộ	Đến kênh 4.000 bờ Nam, dưới lộ	660

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
11	Bờ Nam kênh Phong Thạnh Tây (ấp 8B)	Bắt đầu từ kênh 4.000 bờ Nam, trên lộ	Đến hết ấp 8B bờ Nam, trên lộ	660
12	Bờ Nam kênh Phong Thạnh Tây (ấp 8B)	Bắt đầu từ kênh 4.000 bờ Nam, dưới lộ	Đến hết ấp 8B bờ Nam, dưới lộ	530
13	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu số 2 , ấp 2B, trên lộ	Đến hết nhà ông Ngô Văn Khôi, trên lộ	960
14	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu số 2 , ấp 2B, dưới lộ	Đến hết nhà ông Ngô Văn Khôi, dưới lộ	780
15	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Hết ngã ba nhà ông Ngô Văn Khôi, trên lộ	Đến cầu Ba Lửa (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B), trên lộ	720
16	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Hết ngã ba nhà ông Ngô Văn Khôi, dưới lộ	Đến cầu Ba Lửa (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B), dưới lộ	590
17	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A, trên lộ	Đến hết ranh cây xăng Thuận Minh, trên lộ	780
18	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A, dưới lộ	Đến hết ranh cây xăng Thuận Minh, dưới lộ	660
19	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Thuận Minh, trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phước Long), trên lộ	660
20	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Thuận Minh, dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phước Long), dưới lộ	590

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
21	Áp 3 - 1B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Ba Lợi (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B), trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây (bờ Đông)), trên lộ	530
22	Áp 3 - 1B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Ba Lợi (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B), dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây (bờ Đông)), dưới lộ	410
23	Áp 1B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 1000m áp 1B về Phong Thạnh - Giá Rai	340
24	Áp 3 (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 100m áp 3 về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	650
25	Áp 3 (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Vào 100m áp 3 về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	Đến giáp xã Phong Thạnh - Giá Rai	460
26	Tuyến Quản Lộ Phụng Hiệp - CM (Áp 1B - áp 3)	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây)	Đến cầu Ba Lợi (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B)	900
27	Đường dẫn Cầu số 2 - QL Quản lộ Phụng Hiệp (Áp 3)	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Đến kênh Xáng Phụng Hiệp	700
28	Đường dẫn Cầu số 2 - Quản lộ Phụng Hiệp (áp 2B)	Bắt đầu từ chân cầu vượt (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phong)	Đến đoạn tiếp giáp lộ Phước Long - Phong Thạnh Tây B (Tên cũ: Đến ranh đất nhà ông Ngô Văn Khôi)	650
29	Kênh 1000 áp 1B, áp 3	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây)	Đến kênh Ba Lợi (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B)	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
30	Kênh 1000 ấp 1A, ấp 2B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
31	Kênh 2000 ấp 1A, ấp 8A, 2B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
32	Kênh 3000 ấp 8A	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
33	Kênh 4000 ấp 8A, 8B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
34	Kênh 5000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
35	Kênh 6000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phước Long	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
36	Kênh 7000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh kênh Phong Thạnh Tây	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
37	Kênh 8000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh kênh Phong Thạnh Tây (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
38	Tuyến kênh Cô 9 (ấp 1A)	Bắt đầu từ đường Phước Long - Phong Thạnh Tây B (nhà ông Trịnh Hoài Nhanh)	Đến kênh 1000	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
39	Tuyến vào Miếu Vinh Ông (ấp 8A)	Bắt đầu từ Nhà Văn hóa (ấp 8A)	Đến Vinh Ông	340
40	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ cầu Chủ Chí (ấp 4), trên lộ	Đến hết ranh nhà Phan Văn Chiến hướng về Cà Mau, trên lộ	2.800
41	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ cầu Chủ Chí (ấp 4), dưới lộ	Đến hết ranh nhà Phan Văn Chiến hướng về Cà Mau, dưới lộ	2.200
43	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà Phan Văn Chiến, trên lộ	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Thành, trên lộ	2.550
44	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà Phan Văn Chiến, dưới lộ	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Thành, dưới lộ	1.850
45	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Thành, trên lộ	Hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Luỹ, trên lộ	1.500
46	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Thành, dưới lộ	Hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Luỹ, dưới lộ	1.150
47	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Luỹ, trên lộ	Đến hết ranh Miếu nhà ông Trung, trên lộ	980
48	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Luỹ, dưới lộ	Đến hết ranh Miếu nhà ông Trung, dưới lộ	670
49	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh Miếu nhà ông Trung, trên lộ	Đến giáp ranh xã Tân Lộc Đông (Cà Mau), trên lộ	800
50	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh Miếu nhà ông Trung, dưới lộ	Đến giáp ranh xã Tân Lộc Đông (Cà Mau), dưới lộ	700
51	Đường nhánh	Cầu Trung ương Đoàn	Đến Cầu kênh 1	700
52	Đường nhánh	Bắt đầu từ Cầu kênh 1	Đến Cầu kênh 2	500

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
53	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ đầu cầu Chủ Chí (ấp 9), trên lộ	Đến hết ranh cây xăng Nguyên Đồi cũ (Tên cũ: Đến hết ranh cây xăng Nguyên Đồi), trên lộ	2.850
54	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ đầu cầu Chủ Chí (ấp 9), dưới lộ	Đến hết ranh cây xăng Nguyên Đồi cũ (Tên cũ: Đến hết ranh cây xăng Nguyên Đồi), dưới lộ	2.300
55	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất cây xăng Nguyên Đồi cũ (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh đất cây xăng Nguyên Đồi), trên lộ	Đến hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa, trên lộ	1.850
56	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất cây xăng Nguyên Đồi cũ (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh đất cây xăng Nguyên Đồi), dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa, dưới lộ	1.200
57	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ, trên lộ	1.500
58	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ, dưới lộ	940
59	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ, trên lộ	Đến Kênh 2.001, trên lộ	760
60	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ, dưới lộ	Đến Kênh 2.001, dưới lộ	650

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
61	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ kênh 4.000, trên lộ	Đến giáp xã Trí Phải (Tên cũ: Đến giáp xã Tân Phú, huyện Thới Bình (Cà Mau)), trên lộ	670
62	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ kênh 4.000, trên lộ, dưới lộ	Đến giáp xã Trí Phải (Tên cũ: Đến giáp xã Tân Phú, huyện Thới Bình (Cà Mau)), dưới lộ	550
63	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B cũ (Tên cũ: Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B (ấp 9B)), trên lộ	Đến ấp 9B đến đầu cầu Chủ Chí (bờ Bắc), trên lộ	2.500
64	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B cũ (Tên cũ: Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B (ấp 9B)), dưới lộ	Đến ấp 9B đến đầu cầu Chủ Chí (bờ Bắc), dưới lộ	2.200
65	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ cầu Chủ Chí, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng, trên lộ	1.650
66	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ cầu Chủ Chí, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng, dưới lộ	1.300
67	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công, trên lộ	1.350
68	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công, dưới lộ	1.000
69	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đề, trên lộ	1.000

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
70	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đê, dưới lộ	700
71	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đê, trên lộ	Đến Kênh 1000, trên lộ	960
72	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đê, dưới lộ	Đến Kênh 1000, dưới lộ	720
73	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ Kênh 1000, trên lộ	Đến kênh 2000, trên lộ	780
74	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ Kênh 1000, dưới lộ	Đến kênh 2000, dưới lộ	660
75	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ kênh 4000, trên lộ	Đến giáp xã Trí Phải (Tên cũ: Đến kênh 8000, giáp ranh xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau), trên lộ	580
76	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ kênh 4000, dưới lộ	Đến giáp xã Trí Phải (Tên cũ: Đến kênh 8000, giáp ranh xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau), dưới lộ	520
77	Tuyến đường ấp 2A	Bắt đầu từ cống Ông Minh, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông, trên lộ	1.250
78	Tuyến đường ấp 2A	Bắt đầu từ cống Ông Minh, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông, dưới lộ	900
79	Tuyến đường ấp 2A	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông, trên lộ	Đến cầu Ba Lửa (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A), trên lộ	740

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
80	Tuyến đường ấp 2A	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông, dưới lộ	Đến cầu Ba Lửa (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A), dưới lộ	600
81	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trại Cây Ba Kiệt (ấp 12)	Đến hết ranh đất nhà ông Hùng về Hộ Phòng	800
82	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hùng về Hộ Phòng	Đến cầu kênh 1000 (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Từ Văn Phước về Hộ Phòng)	700
83	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ cầu kênh 1000 (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Từ Văn Phước về Hộ Phòng)	Đến giáp ranh phường Giá Rai (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh, phường Giá Rai)	500
84	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trại cây Ba Kiệt (phần đất Ba Kiệt), trên lộ	Đến ranh đất VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A (cũ), trên lộ	900
85	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trại cây Ba Kiệt (phần đất Ba Kiệt), dưới lộ	Đến ranh đất VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A (cũ), dưới lộ	700
86	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A (cũ), trên lộ	Đến ranh trạm cấp nước (Tên cũ: Đến hết ranh nhà bà Mỹ A), trên lộ	660
87	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A (cũ), dưới lộ	Đến ranh trạm cấp nước (Tên cũ: Đến hết ranh nhà bà Mỹ A), dưới lộ	530
88	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trạm cấp nước (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh nhà bà Mỹ A), trên lộ	Đến cầu Ba Lợi (Tên cũ: Đến hết ranh nhà ông Năm Thê (giáp ranh Phong Thạnh Tây A)), trên lộ	540

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
89	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trạm cấp nước (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh nhà bà Mỹ A), dưới lộ	Đến cầu Ba Lợi (Tên cũ: Đến hết ranh nhà ông Năm Thê (giáp ranh Phong Thạnh Tây A)), dưới lộ	430
90	Tuyến Quản lộ Phụng hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	Đến Đầu Cầu Chủ Chí	900
91	Đường dẫn móng cầu Chủ Chí (Bên Chợ)	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Dũng ấp 2A	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Đen ấp 4	2.200
92	Tuyến kênh 8000 ấp 9C	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hiền	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	400
93	Tuyến kênh 1000	Bắt đầu từ nhà bà Lê Thị Danh	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	500
94	Tuyến kênh 4000	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh văn Khởi	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	500
95	Tuyến kênh 2000	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Khá	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	500
96	Tuyến kênh 6000	Bắt đầu từ nhà ông Lê Văn Tuôi	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	420
97	Tuyến kênh 7000	Bắt đầu từ ông Trần Văn Tính	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	420
98	Tuyến kênh Lầu Quốc Gia	Bắt đầu từ cây xăng Trí Tỏa	Đến Quản lộ Phụng Hiệp (Ấp 1B)	400
99	Tuyến kênh Lầu Quốc Gia	Bắt đầu từ cầu Trí Tỏa	Đến Quản lộ Phụng Hiệp (Ấp 3)	420

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
100	Tuyến từ kênh 3000 (Áp 8A) đến kênh 8000 (Áp 8B) –Phía Bắc kênh Phong Thạnh Tây	Bắt đầu từ kênh 3000 (áp 8A)	Đến giáp tỉnh An Giang	540
101	Tuyến đường kênh Cây Gòn (Áp 8A) 2 bên	Bắt đầu từ chân cầu Cây Gòn	Đến cầu 3 Diên kênh 4000	340
102	Tuyến đường kênh Cô Chín (Đoạn 2)	Bắt đầu từ kênh 1000 (Áp 1A)	Đến kênh 3000 (Áp 8A)	340
103	Tuyến đường kênh 3 Lợi (Áp 3)	Bắt đầu từ chân cầu 3 Lợi (Quốc lộ PH)	Đến kênh 1000	500
104	Tuyến kênh Lầu Quốc Gia (Áp 1B)	Bắt đầu từ đoạn 1000m (áp 1B) từ Quốc lộ Phụng Hiệp vào	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh, Giá Gai (cũ)	340
105	Tuyến kênh Khạo Gạng (Bờ Nam gồm Áp 2A, Áp 9B, Áp 9C)	Từ giáp tuyến đường Phước Long – Phong Thạnh Tây B	Đến kênh 8000 giáp ranh xã Trí Phải	500
106	Tuyến kênh Khạo Gạng (Bờ Bắc gồm Áp 2B, Áp 8A, Áp 8B)	Từ giáp tuyến đường Phước Long – Phong Thạnh Tây B	Đến kênh 8000 giáp ranh xã Trí Phải	500
107	Tuyến kênh 3000 (áp 1B áp 3, áp 12)	Giáp ranh xã Vĩnh Phước (xã Vĩnh Phú Tây cũ)	Đến kênh xáng Hộ Phòng	500
108	Tuyến kênh 1000 (áp 3, áp 12)	Từ giáp kênh Lầu Quốc Gia	Đến kênh xáng Hộ Phòng	500
109	Tuyến kênh 2000 bờ Đông (Áp 9B)	Bắt đầu từ đất ông Lê Văn Kiệt	Đến giáp kênh Khạo Gạng	500
110	Tuyến kênh 4000 bờ Đông (Áp 9B)	Bắt đầu từ đất ông Huỳnh Văn Hoi	Đến giáp kênh Khạo Gạng	500
111	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			220

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
112	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			250
113	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180